

# MOTIF ĐÁ THIÊNG TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

## THE SACRED STONE MOTIF IN THE VIETNAMESE FOLK LEGENDS

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; qhuong08@gmail.com

**Tóm tắt** - Đá thiêng là một motif có mối quan hệ chặt chẽ với tín ngưỡng thờ đá, phản ánh đời sống tâm linh của người dân Việt và ẩn chứa những lớp nghĩa riêng của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian người Việt. Với đá trong motif này, tính thiêng được xác định bằng phép màu thần kỳ mà đá sở hữu và những vị thần trú ngụ trong đá. Theo chúng tôi, motif đá thiêng trong truyền thuyết dân gian gồm có 2 dạng sau: đá thô tự nhiên (đá thô tự nhiên có/ không có hình dáng cụ thể và đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người) và đá đã được đẽ gọt. Motif đá thiêng góp phần gia tăng niềm tin của nhân dân vào nhân vật lịch sử bởi lớp sương huyền thoại và khả năng “bất tử hóa” đá tạo ra.

**Từ khóa** - motif; đá; tính thiêng; truyền thuyết; người Việt.

### 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu đá thiêng ở Việt Nam là vấn đề đã được khá nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến khi tìm hiểu về các tín ngưỡng dân gian, cụ thể là tục thờ đá. Và trong các bài viết ấy, các nhà nghiên cứu cũng đã liên hệ, mở rộng đến sự xuất hiện của biểu tượng đá trong truyện cổ dân gian Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ mới chỉ dừng lại ở cấp độ những bài viết, những công trình rải rác trên báo, tạp chí và mạng internet.

Đặc biệt, bài viết về motif đá thiêng/ hóa đá của Phan Xuân Viện “Motif đá thiêng/hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo” (2007) in trong *Truyện kể dân gian các tộc người Nam Đảo ở Việt Nam* (NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) thuộc về những bài nghiên cứu đá thiêng ít ỏi này. Ông chọn phạm vi khảo sát là truyện kể dân gian (thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích). Công trình đã nêu lên được những vấn đề khái quát về motif đá thiêng/ hóa đá: tìm hiểu nguồn gốc, thống kê sơ lược những dạng thức biểu hiện/ biến thể (thần núi, đá thiêng, bụi mọc, tinh đá, sinh đẻ thần kỳ từ đá, đá hình người hóa người, người hóa đá, loài vật hóa đá,...), nêu ý nghĩa biểu trưng của đá và soi chiếu dưới lăng kính tín ngưỡng thờ đá của bốn dân tộc Nam Đảo ở Việt Nam - Chăm, Raglai, Êđê, Giarai (Riêng truyện Churu, tác giả khẳng định chưa tìm thấy tác phẩm nào nói đến hình tượng đá/ motif đá thiêng/ hóa đá - NTQH). Trên cơ sở khảo sát, Phan Xuân Viện đặc biệt phân tích các motif phổ biến sau: đá thiêng “nuốt người”, “tinh đá”, đá kêu, đá vọng phu, người hóa đá, người bị chém chết hóa thành đá. Với kiến thức uyên sâu về dân tộc học, ông còn nối kết đời sống tín ngưỡng, phong tục và địa hình tự nhiên của địa bàn sinh sống để khai thác tính đặc thù của hình tượng/ motif đá của các tộc người Nam Đảo ở Việt Nam. Tuy nhiên, Phan Xuân Viện chỉ mới dừng lại ở giới thiệu và phân tích, liên hệ một cách điểm xuyên motif đá thiêng/ hóa đá và tín ngưỡng thờ đá. Công trình thể hiện sự chăm chú trong khảo sát tác phẩm, đồng thời bộc lộ sự kỳ công trong quá trình điền dã của Phan Xuân Viện.

**Abstract** - The sacred stone motif is a closely related to the stone-worship faith, which reflects the spiritual life of the Vietnamese people and conceals the peculiar meaning layers of the stone symbol in the Vietnamese folk legends. With stone in this motif, sacredness is defined by means of the deities residing in the stone and its the miraculous miracle. In our opinion, the sacred stone motif in folk legends includes two types: natural rough stone (with no specific shape or with a human shape) and whittled stone. This motif contributes to the enhancement of the mass people's belief in historical figures shrouded in a legendary mist and the immortalization of stone.

**Key words** - motif; stone; sacredness; legend; Vietnamese.

Ngoài ra, với tư cách là một biểu tượng, đá cũng đã được Jean Chevalier và Alain Gheerbrant thống kê, phân tích trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Trước tiên, các tác giả khẳng định rằng: “Trong truyền thuyết, đá chiếm một vị trí trang trọng. Giữa linh hồn con người và đá có mối quan hệ chặt chẽ” [2, tr.268]. Tác giả đã tập hợp các mối quan hệ và các giải thích gắn với biểu tượng Đá của các dân tộc/ tôn giáo tín ngưỡng/... trên thế giới dựa vào hình thức/ xuất xứ/ màu sắc/ các nét nghĩa chung/ mục đích sử dụng/ truyền thuyết,... Tất cả đã cho thấy sự phong phú về ý nghĩa của biểu tượng Đá, ví như: đá thô được đẽ gọt mang nguyên lý âm dương trong văn hóa của các dân tộc Celtes hay nhà thờ La Mã, tảng đá thủng có tác dụng trừ tà và tăng khả năng sinh sản ở phương Đông cổ xưa,... Đá ở Việt Nam chỉ mới được nhắc đến trong hai dạng thức: các tảng đá dựng đứng – “nơi tọa ngụ của các thần bảo vệ: đó là những tấm chắn chống lại, ngăn chặn các ảnh hưởng độc hại” [2, tr.269], và đá là vật sống, mang lại sự sống – “trường hợp đá chảy máu khi bị cuộc vào” [2, tr.269]. Hai dạng thức của đá trên không được tác giả nêu cụ thể tên các tảng đá/ địa phương tồn tại đá/ thời điểm xảy ra trường hợp hi hữu. Tuy nhiên, trên thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy riêng trong truyền thuyết dân gian người Việt, đá đã xuất hiện với phong phú các dạng thức (đá thiêng, người hóa đá/ đá hóa người, vật hóa đá,...) và đa dạng ý nghĩa.

Người đầu tiên nghiên cứu về biểu tượng đá là tác giả Trần Thị An với bài viết “Những biểu tượng không gian thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt” (1999) in trong *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học* của Viện Văn học. Trên cơ sở khảo sát truyền thuyết dân gian người Việt và tham khảo những giải mã ý nghĩa biểu tượng trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (J. Chevalier và A. Gheerbrant), Trần Thị An đưa ra năm biểu tượng không gian thiêng có tần số xuất hiện cao: núi, đá, cây, sông nước và mây mù. Trong đó, “núi – nơi trú ngụ của thần linh” và “đá – sự sống trong trạng thái tĩnh” là hai không gian trực tiếp liên quan đến biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian người Việt. Riêng với không gian đá, thông qua các

trường hợp cụ thể được lưu giữ trong truyền thuyết, Trần Thị An gọi tên từng hình ảnh đá và giải mã ý nghĩa linh thiêng của chúng: đá thiêng (pho tượng đá cụt đầu, đá chứa linh hồn, đá thô mang sinh thể lưỡng tính, đá thô nguyên vẹn của vũ trụ, đá kết tinh mối quan hệ trời – đất), đá xếp thành đống,... Theo tác giả, hầu hết các biểu tượng đá này đều có tính cụ thể và tính cộng đồng cao – những đặc trưng cơ bản của thể loại truyền thuyết dân gian. Chỉ đề cập đến một bình diện nhỏ của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian người Việt, song bài viết của Trần Thị An là công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu và phác họa được “sự tương đồng trong những nấc thang tư duy của nhân loại” [1, tr. 741]. Bài nghiên cứu này mở ra một tầm vóc mới, mang tính quốc tế cho biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam.

## 2. Giải quyết vấn đề

Trong giới hạn của một bài nghiên cứu, chúng tôi chỉ xin đề cập đến motif đá thiêng (Ở đây, tính thiêng được xác định bằng phép màu thần kỳ mà đá sở hữu và vị thần trú ngụ trong đá – NTQH). Điều khác biệt của đá thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt là đá hầu như không được xác định về loại/ dạng đá (vật liệu), cũng không có màu sắc cụ thể. Các truyền thuyết chỉ giới thiệu về đá xuất hiện trong tác phẩm một cách chung chung.

Khảo sát trên cơ sở 5 quyển *Truyện thuyết dân gian người Việt*, thuộc bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt* (Viện Nghiên cứu văn hóa, Nxb Khoa học xã hội, 2009), chúng tôi cho rằng chỉ có thể xếp đá thiêng trong truyền thuyết thành hai loại lớn sau: đá thô tự nhiên (đá thô tự nhiên có/ không có hình dáng cụ thể và đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người) và đá đã được đẽo gọt.

Theo chúng tôi, motif đá thiêng là dạng thức được lặp đi lặp lại nhiều lần và tiềm tàng những giá trị về tín ngưỡng, những lớp nghĩa riêng của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Do đó, khám phá motif đá thiêng là hành trình không chỉ phác họa được mối quan hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng, mà còn có khả năng bóc tách và nhận chân các lớp nghĩa của biểu tượng đá.

## 3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

### 3.1. Đá thô tự nhiên

Với đá thiêng thuộc dạng đá thô tự nhiên trong truyền thuyết dân gian người Việt, qua khảo sát, thống kê, chúng tôi phân thành hai dạng nhỏ, gồm: đá thô tự nhiên có/ không có hình dáng cụ thể và đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người.

Thứ nhất, **đá thô tự nhiên có/ không có hình dáng cụ thể**:

Đá thiêng ở dạng này xuất hiện trong truyền thuyết dân gian người Việt gồm có tảng đá lớn (*Truyện cái khiên*) và đá thề bồi (*Sự tích suối Rắn*).

Theo quan niệm “vạn vật hữu linh” và đặc biệt, tín ngưỡng thờ đá, “đá không phải là những khối vô hồn” [2, tr.268], cho nên yếu tố linh thiêng luôn được đề cập đến. Ở đây, tính linh thiêng không thuộc về vị thần trú ngụ trong đá mà là phép màu thần kỳ do đá sở hữu hoặc có thể đem đến cho nhân vật trong truyền thuyết. Chính bởi tính thiêng này cho nên hình dáng của đá hầu như ít được các

tác giả dân gian chú ý đến.

Nằm trong khuynh hướng trên, tảng đá thiêng được *Truyện cái khiên* đề cập đến không có hình dáng cụ thể.

Trong *Truyện cái khiên*, chàng Cả Lạn là người giỏi võ nghệ. Chàng vượt qua rất nhiều thử thách do các vị thần đưa ra. Đó là những cơ hội để chàng thể hiện tính nhân hậu của mình, ví dụ như Thần Hành thiện chuyên đi cứu nhân độ thế đóng giả người suýt chết đuối, Đức Phật giả làm người ăn mày, Thần Núi bày binh bố trận với một đàn mừi con hổ. Chàng Cả Lạn không nề hà hiểm sâu, không khinh người nghèo, không nhát sợ trước bầy hổ và luôn luôn đặt sự quan tâm, thương người lên trên hết.

Sau đó, vì yêu quý và tin tưởng chàng Cả Lạn, các vị thần đã ưu ái, ban thưởng những vật quý: Thần Hành thiện tặng cái khiên bông có thể tự phóng to thu nhỏ, đức Phật ban cho chàng quả táo thần mang lại sức khỏe vô địch,... Và đặc biệt, Thần Núi đã bảo với chàng rằng: “Ta là Thần Núi đây, con hãy nằm xuống tảng đá này, ta thưởng cho con thêm nhiều mưu tài trí giỏi” [5, tr.129]. Vâng lời Thần Núi, Cả Lạn vội vàng nằm xuống ngay. Và khi ngồi dậy, “chàng thấy đầu óc nhẹ nhõm, sáng suốt lạ lùng” [5, tr.129].

Thế là, bên cạnh sức khỏe phi thường và vũ khí hộ vệ thần kỳ, tảng đá thiêng của Thần Núi đã truyền thêm sức mạnh về trí tuệ cho Cả Lạn. Ở tảng đá này, nhận định về việc đá đại diện cho sự anh minh, khôn ngoan là hoàn toàn chính xác. Hay nói cách khác, tảng đá được ngầm hiểu như báu vật trí tuệ mà Thần Núi ban tặng cho Cả Lạn. Và hành động nằm trên tảng đá là quá trình tiếp xúc để truyền dẫn sự anh minh từ đá sang cho chàng/ hỗ trợ khai mở sự anh minh cho chàng. Từ đó, chàng Cả Lạn đã quy phục được Thần Gió, chiến thắng Thần Mưa và giúp vua dẹp yên giặc Hán.

Có thể dễ dàng nhận ra tác giả dân gian không đặt nặng vấn đề miêu tả hình dáng tảng đá mà chỉ tạo ra mạch liên kết từ Thần Núi đến tảng đá. Trong đó, Thần Núi là vị thần tự nhiên, giữ vai trò quan trọng trong tín ngưỡng của người dân Việt, đặc biệt với ý niệm trí tuệ; còn tảng đá là sự vật quen thuộc của núi rừng, thình thoảng những tảng đá lớn cũng xuất hiện trong truyền thuyết với chức năng là cánh cửa của kho báu. Vậy nên, mạch liên kết này không phải là ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự liên tưởng xuất phát từ quá trình quan sát và tập quán của người Việt. Hơn thế nữa, tác giả dân gian tập trung vào đặc tính trí tuệ mà tảng đá mang lại và cách thức chuyển hóa sự anh minh, khôn ngoan từ đá sang người. Bởi lẽ đây mới chính là mục đích tác giả hướng đến khi chọn lựa đá, chứ không phải là một dạng vật chất khác. Nghĩa là bằng phương thức tư duy đơn giản, bắt nguồn và dựa vào quan sát, các tác giả dân gian có cách diễn đạt và chọn tình tiết gần gũi với lối sống hài hòa cùng tự nhiên.

Còn trong truyền thuyết *Sự tích suối Rắn*, hòn đá thiêng là trường hợp hi hữu được tác giả dân gian miêu tả khá kỹ càng từ hình dáng đến bề mặt đá.

Truyện kể rằng sau khi ông lão đánh cá giết hết loài giao long để trả thù việc cô con gái duy nhất bị giao long bắt mất, ông đem xác con gái trở về. Và sau đó, cả ông và con gái đều là những vị thần rất linh ứng.

Dân làng xây một ngôi đền thờ hai cha con ở trong một hõm đá của núi. Bên “dưới đền có một hòn đá, bằng phẳng vuông vắn như chiếc chiếu, lại trơn nhẵn, khéo như

thiên tạo” [5, tr.104].

Hòn đá ở xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, xứ Kinh Bắc này không truyền sức mạnh hay trí tuệ mà lại có khả năng đặc biệt hơn: “Những người có việc tranh chấp với nhau, thường đem nhau đến đây thề bồi. Người nào gian giáo thì lộ ra ngay và phải chịu bồi thường” [5, tr.104]. Như vậy, hòn đá thề bồi trong truyền thuyết *Sự tích suối Rắn* mang tính chất như một vị quan tòa công minh và chính trực, có biệt tài nhận diện cái xấu, cái ác.

Thật ra, ngay trong cách miêu tả hòn đá, tác giả dân gian đã ngầm ngụ ý các tính chất trên: sự vuông vắn, bằng phẳng, và sự trơn nhẵn ở một khía cạnh nào đó đều góp phần chỉ ra đặc trưng công minh, chính trực. Ở đây, lối tư duy dân dã của người Việt theo phương thức “nhìn mặt bắt hình dong” thể hiện rất rõ. Và có lẽ chính điều này đã buộc tác giả dụng công miêu tả hình dáng hòn đá hơn.

Và dường như hòn đá vuông vắn ở truyền thuyết này có đặc điểm mà Jean Chevalier và Alain Gheerbrant đã đề cập đến: “Những viên đá quý là biểu tượng của sự chuyển vị từ trạng thái đục thành trong mờ, theo nghĩa tinh thần, đây là sự chuyển vị, chuyển từ bóng tối đến ánh sáng, từ không hoàn thiện đến hoàn thiện” [2, tr.273]. Hòn đá ở Hòa Lạc không chỉ tiềm ẩn sự chuyển vị trong bản thân nó (Hành động đòi lại công bằng của ông lão đánh cá cho cô con gái trước loài giao long có lẽ là minh chứng ban đầu cho tính chính trực ở ông và sau đó đã sự dịch chuyển từ ông sang tảng đá trong đền thờ - NTQH), mà còn có khả năng soi xét con người, “chuyển vị” cái xấu đang bị giấu kín phơi ra ánh sáng và “chuyển vị” con người phải hoàn thiện hơn. Điểm này đã cho thấy niềm tin của người Việt vào lẽ công bằng và sự dịch chuyển tâm linh trong tín ngưỡng thờ các vị thần đến sự kính ngưỡng đối với mọi sự vật trong đền miếu thờ thần.

#### Thứ hai, **đá thô tự nhiên có hình dáng giống con người.**

Dạng thức này được đề cập đến trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, gồm tượng đá (*Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương*) và đá giống hình người (*Truyền thuyết tượng nghè*).

Truyền thuyết *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương* có ghi chép lại vị tượng đá ở ngôi chùa thiên tạo Thạch Nham. Thạch Nham tự ở châu Hoàng Nham. Tác giả dân gian không miêu tả nhiều về vị tượng đá này, chỉ đơn giản trong một câu: “một vị tượng đá gọi là Phật Quan âm rất linh ứng” [4, tr.55].

Theo cảm quan của truyện cổ tích và truyền thuyết, khuynh hướng dựa vào tiêu chí hình dáng sự vật/ địa danh để định tên rất phổ biến. Ví dụ, trong hệ thống sự tích về Hòn vọng phu rải rác trên các vùng miền ở nước ta, tên gọi Hòn vọng phu hầu hết đều được xác định dựa vào hình dáng man mác giống người mẹ bồng con của tảng đá trên các đỉnh núi. Với trường hợp hình dáng của tượng đá Phật Quan âm ở chùa Thạch Nham, có hai khả năng tồn tại: Thứ nhất, khối đá không có hình dạng cụ thể, được gọi là Phật vì Phật đã hiện ra từ trong khối đá; thứ hai, khối đá có hình dáng khá giống người, kết hợp với việc Phật hiện ra từ khối đá. Theo thiên ý của chúng tôi, trong một ngôi chùa thiên tạo hoàn toàn bằng đá, “chốn ấy rất thanh vắng, mà xung quanh tuyền bằng đá cả” [4, tr.55], có lẽ khối đá thuộc dạng bụi mọc. Vì vậy, chúng tôi thiên

về khả năng thứ hai trong cách suy luận hình dáng của tượng đá Phật Quan âm. Lý do đó đã khiến tượng đá của truyền thuyết *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương* nằm ở dạng thức này.

Tinh linh ứng của vị tượng đá được người đời biết đến là về việc cầu tự. Thế nên, hai vợ chồng Hồ Quân và Hùng Ái đã đến đây để xin một mụn con. Và điều cầu nguyện đã linh ứng, người vợ Hùng Ái nằm mơ “nhìn thấy đóa mây năm sắc sáng rực từ sân chùa bay thẳng lên trên trời” [4, tr.55]. Và một cụ già hiện ra từ đám mây ngũ sắc với “mũ đai nhấp nhánh, mình mặc áo long bào, tay cầm kim băng, roi xuống trước mặt tượng Quan âm. Trong tượng hóa ra một người con gái đẹp tuyệt trần” [4, tr.55]. Ông còn bảo rằng: “Ta nay khâm mệnh Ngọc Hoàng tên gọi Vũ Khúc tinh quân, xuống đây để báo mộng cho họ Hồ biết: Nhà người phúc hậu hãy còn chưa hết, lòng trời còn tựa chửa tuyệt, định cho Nại nương này về nhà họ Hồ làm con và thần xà ở gốc cây tùng cũng cho nhà người làm con” [4, tr.55-56]. Sau đó ít lâu, đức Thánh Mẫu có thai, sinh được một người con gái (hiện thân của Nại nương, từ trong tượng đá hóa ra) và một cậu con trai (hiện thân của thần xà - NTQH).

Người con gái của đức Thánh Mẫu chính là một hình thức của motif sinh nở thần kỳ từ đá trong truyền thuyết dân gian người Việt. *Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương* đã hé lộ sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo ở nước ta vào thời Hùng Vương, đồng thời cũng là minh chứng cho niềm tin của người dân Việt vào thuyết luân hồi, sự độ sanh của Phật giáo. Tuy nhiên, chi tiết tượng đá Phật Quan âm còn thể hiện sự đan xen, chồng lấp tín ngưỡng thờ đá và Phật giáo (có thể còn có cả tín ngưỡng thờ mẫu, bởi lẽ hình ảnh thị hiện quen thuộc của đức Quán thế âm bồ tát là nữ nhân - NTQH) trong đời sống tâm linh của người Việt.

Có thể thấy việc lựa chọn đá trở thành “cội nguồn” của nhân vật lịch sử đã chỉ ra vai trò của Đá trong đời sống của cư dân Việt.

Ngoài ra, còn có một tảng đá có hình dáng giống người trong *Truyền thuyết tượng nghè*. Anh chàng nhà nghèo làm nghề nhui cá làm việc cật lực cả buổi sáng nhưng không bắt được một con cá, nhui lần nào cũng chỉ thấy một hòn đá lạ. Dù anh đã quăng hòn đá đi khá xa và rất nhiều lần, song cứ nhui lên lại thấy hòn đá ấy. Sợ hãi, anh đem hòn đá rửa sạch, đặt lên bờ ruộng, rồi quỳ xuống cầu xin nếu hòn đá giúp nhui được nhiều cá thì anh sẽ mang hòn đá về thờ.

Lời khẩn thành hiện thực, anh “thờ cúng hòn đá như một vị thần. Điều lạ lùng là hòn đá ngày một lớn, lớn mãi và lạ hơn là càng lớn nó càng giống hình người” [7, tr.127]. Sau đó, người dân đã lập miếu rước tượng đá về thờ cúng và tôn xưng là tượng ông Nghè.

Điểm dị biệt ở hòn đá này, đó là hòn đá có sự thay đổi về hình dạng theo thời gian. Sự thay đổi về kích thước phần nào tương ứng với niềm tin của anh nhui cá và người dân dành cho nó. Riêng với trường hợp “càng lớn nó càng giống người”, có hai cách lý giải: thứ nhất càng ngày hòn đá càng mang dáng dấp của vị thần trú ngụ ở trong đó và thứ hai là chính niềm tin của con người đã khiến họ “áp đặt” hình dáng người cho hòn đá. Cho nên có thể hòn đá thật sự thiêng và có những sự biến đổi mang yếu tố thần kỳ hoặc chính niềm tin của con người vào tâm linh, vào đá đã

khien tinh linh thieng đã nhân lên bội phần.

Ở hai truyền thuyết trên, tín ngưỡng thờ đá của người dân được cụ thể hóa trong một hòn đá mang hình dáng con người. Tuy không phải hòn đá nào cũng được thờ cúng nhưng cũng không phải đá có hình dáng giống người mới được thờ cúng. Thật ra, “khi người ta lấy tảng đá làm nơi thờ cúng thì không phải là thờ tảng đá đó mà thờ vị thần tọa ngự ở tảng đá đó” [2, tr.269]. Thực tế, trong *Truyền thuyết tượng nghệ*, hòn đá khi người nhui cá đem về thờ thì vẫn chỉ là một hòn đá bình thường, không có những điểm khác biệt, do vậy tác giả dân gian không chú tâm để miêu tả. Vì thế, điều kiện tiên quyết đó phải là một tảng đá linh thiêng, tạo niềm tin ở người dân thì mới thật sự được rước vào miếu để thờ cúng.

### 3.2. Đá được đẽo gọt

Dạng thức đá được đẽo gọt được nhắc đến trong truyền thuyết dân gian người Việt gồm: chó đá (*Lương Thế Vinh*, *Sự tích Hạc Lai* và *Vũ Cốc giúp Lê Lợi đánh giặc Minh*), ngựa đá (*Thần miếu Độ Mi*).

Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier và Alain Gheerbrant cho rằng “Đá thô là dạng vật chất thụ động, có tính hai mặt; ta đã thấy là nếu chỉ riêng có hoạt động của con người tác động vào thì đá sẽ mất giá trị, nhưng nếu có được tác động linh thiêng của trời để làm thành một viên đá được đẽo gọt hoàn chỉnh thì đá ấy trở thành cao quý” [2, tr.273].

Chó đá và ngựa đá trong truyền thuyết dân gian người Việt chính là hình thức đá được con người đẽo gọt, kết hợp với “sự tác động linh thiêng của trời”.

Nhân vật Lương Thế Vinh trong truyền thuyết *Lương Thế Vinh* khi lên 7, 8 tuổi, đi học cùng với đám bạn thì bỗng nhiên “bên cạnh đường có một con chó đá, mỗi khi Thế Vinh đi ngang, thì chó đá vẫy đuôi mà mừng” [6, tr.110].

Người cha nghe Thế Vinh kể thì mới cho rằng chó đá biết vẫy đuôi thì chắc hẳn cũng biết nói nên bảo Thế Vinh hỏi thử nguyên do. Thế Vinh làm theo lời cha và chó đá trả lời rằng: “Ngày sau ông đỗ Trạng nguyên cho nên tôi mừng thay cho ông” [6, tr.110]. Tương truyền sự ra đời của Lương Thế Vinh là “văn tinh giáng xuống nước Nam” [6, tr.110] cho nên bên cạnh người rành thiên văn thì chỉ các vị thần mới có được thông tin này.

Con chó đá trong truyền thuyết *Lương Thế Vinh* có ba điểm dị thường: biết vẫy đuôi, thông tỏ tiếng người, và có khả năng tiên tri. Vì vậy, đó không phải đơn thuần là một khối đá được đẽo gọt thành hình chú chó, mà chắc chắn trong hình hài đá có một vị thần trú ngụ. Và chính vị thần đã tạo ra những điều thần kỳ trên.

Truyền thuyết *Sự tích Hạc Lai* và *Vũ Cốc giúp Lê Lợi đánh giặc Minh* cũng có chi tiết “con chó đá trước cửa căn [sua – NTQH] một tiếng tựa như tiếng chuông vàng” [6, tr.35].

Con chó đá trong tác phẩm này xuất hiện sau khi ông Lã Hạc mộng thấy một vị thần nhân đến báo rằng ngày mai sẽ có thiên tướng đến nhà khi trời vừa sáng. Vị thiên tướng chính là ông Vũ Cốc, con do “trời ban” cho ông Hoàn và bà Đặng Thị Đức, có diện mạo khôi ngô, “tuấn tú, khác hẳn người thường” [6, tr.35].

Như vậy, có nét tương đồng với con chó đá trong

truyền thuyết *Lương Thế Vinh*, con chó đá này được tác giả dân gian “ban” cho khả năng tiên tri, hoặc có thể đánh hơi được thiên tướng ở người phạm trần. Mặc dù trong truyện kể *Sự tích Hạc Lai* và *Vũ Cốc giúp Lê Lợi đánh giặc Minh*, chi tiết liên quan đến con chó đá duy chỉ có một, và tác giả không miêu tả kỹ như truyền thuyết *Lương Thế Vinh* nhưng theo chúng tôi, chi tiết này đã góp phần khẳng định tài năng vượt trội và thân thể đặc biệt của nhân vật lịch sử: Vũ Cốc.

Những con chó đá này không phải là khối đá vô tri vô giác mà đã ẩn chứa sự linh thiêng. Theo chúng tôi, chắc chắn các sự xuất hiện những con chó đá trong truyền thuyết dân gian người Việt có liên quan đến tục thờ chó đá. Tục thờ này xuất hiện khá sớm và đã được các sử liệu ghi chép lại (*Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh,...). Hiện nay, tục thờ phổ biến ở làng Địch Vĩ, xã Phương Đình, Đan Phượng, Hà Tây, và cũng xuất hiện rải rác ở các địa phương khác trên đất nước ta. Chó đá chính là vị thần trấn giữ cho các phủ/ đền/ đình, và bảo trợ cho làng cho nên thường được gọi là cụ Thạch, Thần Cầu hoặc quan lớn Hoàng Thạch. Hay nói cách khác, chó đá canh giữ “phần âm” để cầu phúc, trừ tà. Do vậy, người dân thờ cúng chó đá như một vị thần của phủ/ đền/ đình/ làng.

Nếu như trong tục thờ, vị thần chó đá của đời sống tâm linh chỉ được định danh bằng tên và chức vị (cụ Thạch, quan lớn, Thần Cầu) thì các tác giả dân gian của truyền thuyết đã làm sống động nhân vật này bằng thủ pháp nhân cách hóa/ thần linh hóa con chó đá với nhiều phương thức khác nhau. Có thể nói việc con chó đá biết vẫy đuôi, thông tỏ tiếng người và có khả năng tiên tri là một cách hiện thực/ cụ thể hóa niềm tin của người dân Việt vào vị Thần Cầu, cụ Thạch. Tất cả đã cho thấy sự ăn sâu của tín ngưỡng thờ đá/ tục thờ chó đá trong tâm thức của người dân Việt và truyền thuyết ở góc độ nào đó đã chứng tỏ vai trò thư ký văn hóa của thời đại khá rõ nét.

Khác với nhân vật chó đá trong hai truyền thuyết trên, đôi ngựa đá của *Thần miếu Độ Mi* lại có danh xưng cụ thể.

Trong giấc mộng của Hai Bà Trưng, có một người đàn bà dẫn theo con trai, đến xin theo Hai Bà dẹp giặc Tô Định cứu nước. Người đàn bà đó xưng tên là Chiêu Khanh và con trai là Đông Long, vốn dòng giống vua Hùng.

Sau trận chiến tại gò Độ Mi với quân Tô Định, “hai con ngựa đá ở cửa miếu Độ Mi bần đất khắp mình và bèo tằm vẫn còn dính ở ngang bụng” [5, tr.118]. Nghĩa là hai con ngựa đá đó chính là Chiêu Khanh và Đông Long hiển linh trong giấc mộng, họ đã theo quân của Hai Bà Trưng ra trận. Hay chính xác hơn, linh hồn/ tinh anh của hai mẹ con Chiêu Khanh đã nhập vị, an trú trong đôi ngựa đá của miếu Độ Mi.

Cho nên với trường hợp nhân vật đôi ngựa đá trong *Thần miếu Độ Mi*, chúng tôi khẳng định rằng ngoài một vị thần đá thật sự của tảng đá/ hòn đá kiểu như Thần Cầu của nhân vật chó đá ở trên, sự linh thiêng của đá đôi khi còn nằm ở vị thần trú ngụ (tạm thời/ vĩnh viễn vay mượn) ở trong đó. Chính lý do này đã khiến cho phạm vi linh thiêng của tín ngưỡng thờ đá trong truyền thuyết dân gian người Việt càng được mở rộng ra. Và đương nhiên, hình thức đá thiêng được thờ cúng cũng vì thế mà phong phú hơn.

Như vậy, “sự tác động linh thiêng của trời” trong hai trường hợp trên chính là sự trú ngụ/ sự tồn tại của một vị thần linh trong đá. Và sự đẻo gọt của con người như là một hình thức cụ thể hóa hình dáng của vị thần hoặc là tạo ra một “mái nhà” cho vị thần trú ngụ. Do đó, có thể thấy rằng ở đá được đẻo gọt trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, tính linh thiêng không phải bị mất đi, mà là được tạo ra, hoặc được tăng thêm.

#### 4. Kết luận

“Đá là vĩnh cửu, là biểu tượng của sự sống ở trạng thái tĩnh” [2, tr.270]. Do đó, đá thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt là hiện thân của sự trường tồn và luôn ẩn chứa mối quan hệ chặt chẽ với tín ngưỡng thờ đá trong đời sống tâm linh của người dân Việt. Nếu như trong motif đá thiêng, hình dáng và dạng vật liệu của đá hầu như ít được đề cập đến thì tính thiêng của đá lại được các tác giả dân gian phản ánh vô cùng phong phú và đa dạng. Hơn thế nữa, đá thiêng trong truyền thuyết dân gian dù chỉ là một chi tiết nhỏ hay giữ vai trò quan trọng trong cốt truyện thì đều góp phần huyền thoại hóa nhân vật lịch sử, tinh tế đặt nhân vật vào trường vĩnh cửu mà đá sở hữu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị An, “Những biểu tượng không gian thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt”, *Những vấn đề lí luận và lịch sử văn học*, Viện Văn học, 1999, tr.732 - 759.
- [2] Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, 2002.
- [3] Nguyễn Việt Hùng, “Thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 1, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, Trung tâm KHXHNVQG, 2000, tr.23 – 31.
- [4] Viện Nghiên cứu văn hóa, *Tinh hoa văn hóa dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 1, NXB Khoa học xã hội, 2009.
- [5] Viện Nghiên cứu văn hóa, *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 2, NXB Khoa học xã hội, 2009.
- [6] Viện Nghiên cứu văn hóa, *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 4, NXB Khoa học xã hội, 2009.
- [7] Viện Nghiên cứu văn hóa, *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5, NXB Khoa học xã hội, 2009.
- [8] Phan Xuân Viện, “Môtíp đá thiêng/ hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo”, *Truyện kể dân gian các tộc người Nam Đảo ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2007, tr.46 - 57.

(BBT nhận bài: 06/08/2015, phản biện xong: 31/08/2015)